

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/TCDS - ST

Ngày: 29-3-2019.

‘V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản’

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Độ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Lan

2. Bà Đinh Thị Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang – Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2018/TLST- TCDS ngày 06-12-2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số: 02/ TBXX ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Q.

Địa chỉ: Tổ 43(nay là tổ H), phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H.

Địa chỉ: Thôn Trán N(nay là thôn T), xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị N.

Địa chỉ: Thôn Trán N(nay là thôn T), xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày:

Do có quan hệ làm ăn với nhau từ năm 2014 ông Lê Văn Q thường xuyên bán thức ăn chăn nuôi gia súc (cáem) cho gia đình ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N. Việc mua bán được thỏa thuận bằng miệng như sau: Khi có nhu cầu ông H sẽ

điện thoại thông báo về số lượng, chủng loại cám. Sau khi thống nhất về giá cả, số lượng chủng loại ông Q mang cám trực tiếp giao tại gia đình ông H, bà N, ông H ký và xác nhận đã nhận hàng vào sổ và trả tiền sau, theo chu kỳ chăn nuôi 04 tháng/01 lứa khi ông H và bà N xuất bán gà, lợn thì ông H thanh toán cho ông Q toàn bộ số tiền cung cấp thức ăn như đã thỏa thuận nêu trên. Từ tháng 11 năm 2017 ông H và bà N không thanh toán trả cho ông Q khoản tiền đã mua hàng.

Đến ngày 14-11-2017 hai bên đã chốt nợ bằng giấy nợ tiền bao gồm tiền gốc là 71.924.000 đồng và số tiền lãi là 7.700.000 đồng tổng số tiền nợ là 79.624.000 đồng. Ông H hẹn đến hết tháng 11 năm 2017 ông H sẽ thanh toán cho ông Q số tiền là 30.000.000 đồng, số tiền còn lại tính lãi 1%/tháng. Ông H sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên vào tháng 3 năm 2018,

Từ khi chốt nợ đến nay ông Q đã nhiều lần đến nhà ông H và bà N yêu cầu ông H và bà N trả số tiền nêu trên nhưng ông H và bà N không thanh toán trả cho ông Q. Nay ông Lê Văn Q đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết buộc ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N phải trả cho ông Q tổng số tiền nợ đã chốt là 79.624.000 đồng (cả tiền nợ gốc + lãi) và tiếp tục lãi tính từ ngày 15-11-2017 cho đến ngày 29 - 03-2019 số tiền lãi là: 13.111.418 đồng. Tổng cộng là 92.735.418 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 12 năm 2018 bị đơn ông Phạm Văn H trình bày trình bày:

Ông H công nhận việc mua bán thức ăn gia súc và hai bên chốt nợ gốc là 71.924.000 đồng và số tiền lãi là 7.700.000 đồng tổng số tiền nợ là 79.624.000 đồng như ông Q trình bày là đúng. Về thời gian giao dịch mua bán ông H trình bày tháng 9 năm 2016 ông Q đã đến gia đình ông H để chào bán thức ăn gia súc, sau khi trao đổi ông H đồng ý mua thức ăn gia súc do ông Q cung cấp. Ngoài ra ông H còn bổ sung thêm giữa ông và ông Q thỏa thuận miệng với nhau ông Q bán cho ông H thức ăn chăn nuôi là cám đóng bao với quy cách là 25kg/1 bao cám và bán cho ông H với giá 1kg cám là 26.500 đồng/1kg, có thời điểm là 29.000 đồng/01kg. Đến tháng 9 năm 2017 ông H không lấy cám của ông Q nữa và cũng không thanh toán tiền mua cám cho ông Q vì lý do ông Q bán cám cho ông H quá đắt so với các đại lý khác cùng thời điểm. Nay ông Q yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc là 71.924.000 đồng tiền lãi là 7.700.000 đồng. Tổng cộng là: 79.624.000 đồng.

Ông H đồng ý trả cho ông Q số tiền là 71.000.000 đồng còn khoản lãi ông H xin ông Q và Tòa án xem xét không phải trả cho ông Q vì hoàn cảnh gia đình ông H hiện tại rất khó khăn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 01 năm 2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N trình bày: Quan hệ giữa bà N và ông H là quan hệ vợ chồng, việc ông H mua cám của ông Q bà N hoàn toàn không biết, lý do bà N buôn bán thịt lợn tại chợ k thành phố Y phải đi từ 4 giờ sáng và về nhà là 8 giờ tối hàng ngày, việc trao đổi mua bán cám giữa ông H và ông Q bà không tham gia. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ tiền cám bà N không có ý kiến và không có yêu cầu gì. Bà N cho rằng bà không liên quan tới việc mua bán tài sản giữa ông Q và ông H nên bà N từ chối không tham gia tố tụng tại phiên tòa,

đề nghị Tòa án không gửi giấy báo, giấy triệu tập để tham gia giải quyết tranh chấp nêu trên và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Sau đó Tòa án tiến hành lập các thủ tục hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ cho ông H và bà N đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông H và bà N không đến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Ông Lê Văn Q đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N không thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; khoản 1 điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 430; Điều 440 Điều 466; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 của luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q.

Buộc ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N liên đới phải trả cho ông Lê Văn Q số tiền còn nợ là 79.624.000 đồng tiền lãi tính 1% từ ngày 15-11-2017 cho đến ngày khi ông H, bà N trả xong khoản nợ trên cho ông Q.

Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Án phí lệ phí Tòa án”. Ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn ông Phạm Văn H có nơi cư trú ở thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về sự vắng mặt của đương sự tại tòa án và phiên tòa: Bị đơn ông Phạm Văn H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bà Bùi Thị N có yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên tòa, Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét về hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn gia súc (cám) giữa ông Lê Văn Q và ông Phạm Văn H, việc các bên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản nhưng phù hợp với quy định của pháp luật và được các bên đều công nhận việc mua bán hàng hóa nêu trên. Ông H đã ký xác nhận vào giấy nợ tiền do ông Q lập ngày 14-11-2017, ông H cũng thừa nhận việc mua thức

ăn gia súc của ông Q và nợ tiền cầm của ông Q số tiền nợ gốc là 71.924.000 đồng tiền lãi 7.700.000 đồng tổng cộng số tiền nợ là 79.624.000 đồng, như vậy việc mua bán là hoàn toàn tự nguyện, các bên tiến hành chốt nợ lập thành văn bản (giấy nợ tiền) là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Q đã thực hiện theo đúng thỏa thuận giao cầm cho ông H, nhưng đến thời hạn trả nợ ông H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q là phù hợp, có cơ sở, căn cứ vào các Điều 430, 431, 433, 434, 435, 436 và Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q

Xét về lãi suất và cách tính lãi ông Q yêu cầu ông H phải trả số tiền lãi tính từ ngày 15-11-2017 đến ngày 29-3-2019 với lãi suất bằng 1% (do hai bên đã thỏa thuận) mức lãi của khoản tiền nợ là 79.624.000 đồng, tổng số tiền lãi là 13.111.418 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự

Xét đề nghị của ông Phạm Văn H trả cho ông Q số tiền là 71.000.000 đồng còn khoản lãi ông H xin ông Q và Tòa án xem xét không phải trả khoản tiền lãi là: 7.700.000 đồng vì hoàn cảnh gia đình ông H hiện tại rất khó khăn. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ông H không cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh hoàn cảnh khó khăn và không gặp nguyên đơn để thỏa thuận, nên đề nghị của ông H không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa ông Q không đồng ý khấu trừ khoản lãi đó cho ông H và bà N và đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi cho ông Q.

Xét ý kiến của bà Bùi Thị N (vợ ông H) không liên quan đến việc mua bán tài sản giữa ông Q và ông H. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H mua cầm của ông Q để chăn nuôi gia súc, gia cầm là lợn, gà, vịt, ngan... của gia đình nhằm phát triển kinh tế chung, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình trong một thời gian dài diễn ra liên tục (từ năm 2014 đến tháng 11 năm 2017) do đó bà N cho rằng không biết việc ông H mua bán thức ăn gia súc để chăn nuôi là không hợp lý. Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc bà N có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả nợ cho ông Q.

Từ những căn cứ nêu trên cần buộc ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N trả cho ông Lê Văn Q số tiền nợ gốc + lãi là: 79.624.000 đồng, tiếp tục tính lãi từ ngày 15-11-2017 đến ngày 29-3-2019 số tiền lãi là 13.111.418 đồng. Tổng cộng là 92.735.418 đồng.

[3]. Về án phí: Ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Lê Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430; 440; 357 và Điều 468, của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Án phí lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q.

Buộc ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N phải trả cho ông Lê Văn Q: số tiền là: 92.735.418 đồng (chín mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm mười tám đồng)

Kể từ ngày ông Lê Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên nếu ông H, bà N không thanh toán đúng thời hạn. Ông H và bà N còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.636.770 đồng (bốn triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng)

Trả lại cho ông Lê Văn Q số tiền là: 2.230.000 đồng (Hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái theo biên lai thu số: AA/2017/0002037 ngày 05/12/2018.

Án xử sơ thẩm công khai ông Lê Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái,
- VKSND T.P Yên Bái.
- Thi hành án dân sự T.P Yên Bái.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.TA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Độ

